CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

Ngành: **QUẢN TRỊ NHÂN LỰC**

Khối lượng kiến thức toàn khoá là **124 tín chỉ** *(chưa bao gồm Tiếng Anh,Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng)*.

STT	Mã MH	Tên học phần	Số tín chỉ				Mã môn học trước
			Tổng	LT	TH/ TT	ĐA MH	
I.KIẾN THỨC ĐẠI CƯƠNG							
I.1. Khoa học			**15**				
I.1.01	MAT1103	Toán cao cấp	3	3			
I.1.02	STA1101	Xác suất thống kê	3	3			
I.1.03	PHI1101	Logic học	3	3			
I.1.04	MGT1101	Quản trị học	3	3			
I.1.05	PSY1101	Tâm lý học	3	3			
I.2. Ngoại ngữ			**24**				
I.2.01	ENG1101	Tiếng Anh 1	3	3			
I.2.02	ENG1102	Tiếng Anh 2	3	3			
I.2.03	ENG1103	Tiếng Anh 3	3	3			
I.2.04	ENG1104	Tiếng Anh 4	3	3			
I.2.05	ENG1105	Tiếng Anh 5	3	3			
I.2.06	ENG1106	Tiếng Anh 6	3	3			
I.2.07	ENG1107	Tiếng Anh 7	3	3			
I.2.08	ENG1108	Tiếng Anh 8	3	3			
I.3. Tin học			**3**				
I.3.01	ITE1201	Tin học đại cương	3	2	1		
I.4. Luật			**3**				
I.4.01	LAW1101	Pháp luật đại cương	3	3			
I.5. Chính trị			**10**				
I.5.01	POL1101	Những nguyên lý cơ bản CN Mac-Lênin 1	2	2			
I.5.02	POL1102	Những nguyên lý cơ bản CN Mac-Lênin 2	3	3			
I.5.03	POL1103	Đường lối cách mạng của Đảng CSVN	3	3			
I.5.04	POL1104	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2			
I.6. Kỹ năng			**9**				
I.6.01	SKI1101	Kỹ năng giao tiếp, thuyết trình và làm việc nhóm	3	3			
I.6.02	SKI1102	Kỹ năng tư duy phản biện, giải quyết vấn đề và quản lý thời gian	3	3			
I.6.03	SKI1103	Khởi nghiệp	3	3			
	TỔNG KHỐI GDĐC		**64**				
II.KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH							
II.1. Kiến thức bắt buộc			**72**				
II.1.01	ECO1101	Kinh tế vi mô	3	3			
II.1.02	ECO1102	Kinh tế vĩ mô	3	3			
II.1.03	ACC1101	Nguyên lý kế toán	3	3			ECO1101
II.1.04	MKT1101	Marketing căn bản (*)	3	3			

II.1.05	STA1102	Thống kê kinh doanh	3	3			
II.1.06	LAW1134	Luật lao động và bảo hiểm xã hội	3	3			MGT1101
II.1.07	MGT1110	Quản trị nguồn nhân lực (*)	3	3			MGT1101
II.1.08	HRM1101	Đạo đức kinh doanh	3	3			
II.1.09	HRM1102	Tổ chức tiền lương doanh nghiệp	3	3			
II.1.10	MGT1108	Quản trị rủi ro (*)	3	3			MGT1101
II.1.11	MGT1123	Quản trị quan hệ khách hàng (*)	3	3			MGT1101
II.1.12	HRM1103	Giao tế nhân sự	3	3			
II.1.13	MGT1133	Quản trị nhân sự cao cấp (*)	3	3			
II.1.14	HRM1104	Quan hệ lao động (*)	3	3			
II.1.15	MGT1109	Quản trị chiến lược	3	3			MGT1101
II.1.16	HRM1105	Bảo trợ xã hội	3	3			MGT1101
II.1.17	MGT1134	Quản trị thành tích (*)	3	3			MKT1101
II.1.18	SOS1105	Dân số học	3	3			
II.1.19	BUS1105	Văn hóa doanh nghiệp	3	3			MGT1101
II.1.20	MGT1104	Quản trị văn phòng	3	3			
II.1.21	HRM1308	Thực tập tốt nghiệp	6		6		
II.1.22		Sinh viên chọn 1 trong 2 hình thức:					
II.1.22.01	HRM1414	Chuyên đề tốt nghiệp	6			6	
II.1.22.02	HRM1415	Khóa luận tốt nghiệp	6			6	
II.2.Kiến thức tự chọn			**12**				
	Sinh viên chọn một trong các nhóm dưới đây						
II.2.1	***Nhóm 1***						
II.2.1.01	HRM1109	Chính sách động viên	3	3			
II.2.1.02	HRM1110	Hợp đồng lao động và giải quyết tranh chấp lao động	3	3			
II.2.1.03	MGT1126	Tuyển dụng và phát triển (*)	3	3			
II.2.1.04	MGT1102	Hành vi người tiêu dùng	3	3			
II.2.2	***Nhóm 2***						
II.2.2.01	HRM1111	Nghệ thuật lãnh đạo	3	3			
II.2.2.02	MGT1135	Quản trị thay đổi (*)	3	3			
II.2.2.03	HRM1112	Phân tích và thiết kế công việc	3	3			
II.2.2.04	HRM1113	Đào tạo (*)	3	3			
	TỔNG KHỐI GDCN		**84**				
III. KIẾN THỨC KHÔNG TÍCH LŨY			**13**				
III.01		Giáo dục thể chất	5		5		
III.02		Giáo dục quốc phòng	8	5	3		